

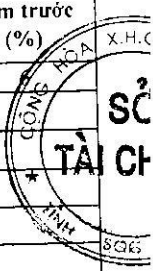
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNV)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

ĐV tính: đồng

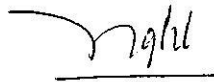
Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện Q1/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm 2020 (%)	Ước thực hiện Quý I/2019 so với cùng kỳ năm trước (%)
	2	3	4	5	
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.828.736.028			
*	Nguồn Ngân sách trong nước	11.828.736.028			
I	Chi quản lý hành chính	11.828.736.028			
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.125.456.000	1.363.384.000		
1	Quỹ tiền lương và Kinh phí hoạt động theo định mức	6.953.000.000	1.363.384.000	19,61	
2	Tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	172.456.000	0	0	
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.703.280.028	276.244.000	5,87	
1	Kinh phí hoạt động Pháp chế	395.900.000	20.240.000	5,11	
2	Đăng nhập phần mềm đăng ký tài sản (theo Công văn số 10809/BTC-QLCS ngày 10/8/2012 của Bộ Tài chính)	2.000.000	0	0,00	
3	Kinh phí tổ chức thuê thực hiện xây dựng Hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	321.750.000	0	0,00	
4	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	276.474.000	43.893.000	15,88	
5	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành cá tra năm 2019 (02 đợt)	105.560.000	0	0,00	
6	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành Lúa 02 vụ năm 2019	105.560.000	0	0,00	
7	Chi mua sắm trang phục thanh tra	18.442.000	0	0,00	
8	Công tác phí Thanh tra	48.780.000	0	0,00	
9	Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp dân	8.880.000	0	0,00	
10	Mua sắm máy móc, thiết bị và chi phí tổ chức mua sắm	100.000.000	0	0,00	
11	Sửa chữa tài sản và trang thiết bị	220.000.000	6.150.000	2,80	
12	Công tác phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất trong và ngoài tỉnh	400.000.000	18.156.000	4,54	
13	Ban biên tập công thông tin điện tử	187.080.000	18.140.000	9,70	
14	Kinh phí thực hiện hệ thống ISO	50.000.000	0	0,00	
15	Chi hoạt động Quỹ Phát triển đất	65.374.000	19.694.000	30,13	
16	Chi khen thưởng công chức cấp bộ khen	15.000.000	0	0,00	
17	Chi khác	150.000.000	95.671.000	63,78	
18	Hỗ trợ công chức một cửa	7.200.000	1.800.000	25,00	
19	Chi phí tư vấn xây dựng mức thu tiền sử dụng đất khu vực biên giới với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	92.312.704	0	0,00	
20	Chi phí tiếp và làm việc với Đoàn công tác Trung ương	334.000.000	0	0,00	
21	Chi phí phục vụ Tổ công tác kiểm tra, rà soát nội dung khiếu nại của ông Tô Văn Chánh	10.000.000	0	0,00	
22	Chi phí học tập	30.000.000	0	0,00	



23	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của ngành tài chính	1.706.467.324	0	0.00	
24	Kinh phí mua sách phục vụ công tác ngành tài chính	52.500.000	52.500.000	100	
25	Chi phí thuê kiểm toán tư vấn rà soát đặc biệt giá thành sản xuất nước sạch đối với Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	121.000.000	121.000.000	100	

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Kế toán



Nguyễn Thị Tư



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *ƯY*

Trần Quốc Sở

